ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN HẠNG 3

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng: Chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng 3
Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: từ ngày 11/4/2022 đến ngày 01/6/2022
Hội đồng thi/kiểm tra (nếu có):
Quyết đinh công nhận tốt nghiệp số: 750/QĐ-ĐHSP ngày 15/6/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP - ĐHĐN
Địa điểm đặt lớp: Đại học Đà Nẵng

STT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (Tỉnh/Tp)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Phạm Thị Linh	**Chi**	14/01/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0044025	DDS.CDN.00731 .22		
2	Nguyễn Chí	**Cường**	18/05/1992	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0044026	DDS.CDN.00732 .22		
3	Trương Nguyễn Khánh	**Đan**	02/09/1995	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0044027	DDS.CDN.00733 .22		
4	Nguyễn Công	**Danh**	01/09/1990	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0044028	DDS.CDN.00734 .22		
5	Nguyễn Thị Thu	**Đến**	30/12/1985	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0044029	DDS.CDN.00735 .22		
6	Lê Đình	**Dũng**	23/10/1986	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	đạt	0044030	DDS.CDN.00736 .22		
7	Lê Văn	**Dương**	28/01/1992	Quảng Trị	Nam	Kinh	đạt	0044031	DDS.CDN.00737 .22		
8	Trần Thị Ngọc	**Duy**	10/03/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0044032	DDS.CDN.00738 .22		
9	Hồ Thị Hà	**Giang**	06/07/1996	Quảng Bình	Nữ	Kinh	đạt	0044033	DDS.CDN.00739 .22		
10	Nguyễn Thuý	**Hằng**	11/01/1995	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0044034	DDS.CDN.00740 .22		

STT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (Tỉnh/Tp)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
11	Võ Thị Thu	**Hiền**	01/08/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0044035	DDS.CDN.00741 .22		
12	Trần Mạnh	**Hùng**	18/10/1980	Quảng Ninh	Nam	Kinh	đạt	0044036	DDS.CDN.00742 .22		
13	Hồ Anh	**Hưng**	01/05/1996	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0044037	DDS.CDN.00743 .22		
14	Lưu Văn	**Huy**	07/11/1988	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0044038	DDS.CDN.00744 .22		
15	Trần Văn	**Khuê**	02/08/1987	Bình Định	Nam	Kinh	đạt	0044039	DDS.CDN.00745 .22		
16	Trần Thị Mỹ	**Linh**	20/07/1985	Quảng Nam	Nữ	Kinh	đạt	0044040	DDS.CDN.00746 .22		
17	Nguyễn Thuỳ	**Linh**	24/07/1991	Liên Bang Nga	Nữ	Kinh	đạt	0044041	DDS.CDN.00747 .22		
18	Nguyễn Phúc Mộc	**Miên**	07/11/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	đạt	0044042	DDS.CDN.00748 .22		
19	Nguyễn Đức	**Minh**	12/06/1978	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0044043	DDS.CDN.00749 .22		
20	Nguyễn Hữu Thanh	**Minh**	12/06/1996	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0044044	DDS.CDN.00750 .22		
21	Hoàng Thị Như	**Ngọc**	28/02/1996	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0044045	DDS.CDN.00751 .22		
22	Trương Bảo	**Ngọc**	19/02/1996	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0044046	DDS.CDN.00752 .22		
23	Lê Thị Bích	**Ngọc**	01/05/1987	Nghệ An	Nữ	Kinh	đạt	0044047	DDS.CDN.00753 .22		
24	Lê Thị	**Nhung**	02/06/1995	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0044048	DDS.CDN.00754 .22		
25	Trần Thị Hồng	**Nhung**	10/09/1992	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0044049	DDS.CDN.00755 .22		

STT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (Tỉnh/Tp)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
26	Hồ Phạm Xuân	**Phương**	27/12/1997	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0044050	DDS.CDN.00756 .22		
27	Trần Hà	**Quân**	02/01/1990	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0044051	DDS.CDN.00757 .22		
28	Trần Ngọc Quyên	**Quyên**	05/12/1996	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0044052	DDS.CDN.00758 .22		
29	Lê Hoàng	**Sinh**	20/11/1984	Bình Định	Nam	Kinh	đạt	0044053	DDS.CDN.00759 .22		
30	Nguyễn Quang	**Tân**	18/10/1979	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0044054	DDS.CDN.00760 .22		
31	Nguyễn Thị Phương	**Thảo**	20/07/1982	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0044055	DDS.CDN.00761 .22		
32	Võ Thị Thanh	**Thảo**	14/12/1990	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0044056	DDS.CDN.00762 .22		
33	Phạm Đức	**Thọ**	20/10/1988	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	đạt	0044057	DDS.CDN.00763 .22		
34	Nguyễn Văn	**Thọ**	06/07/1977	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0044058	DDS.CDN.00764 .22		
35	Bùi Thị Minh	**Thu**	21/09/1975	Hà Nội	Nữ	Kinh	đạt	0044059	DDS.CDN.00765 .22		
36	Lê Thị Yến	**Thu**	24/09/1989	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	đạt	0044060	DDS.CDN.00766 .22		
37	Khương Thị Út	**Thương**	13/08/1986	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0044061	DDS.CDN.00767 .22		
38	Lê Công	**Tín**	10/01/1991	Bình Định	Nam	Kinh	đạt	0044062	DDS.CDN.00768 .22		
39	Trần Kim	**Trâm**	22/11/1992	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0044063	DDS.CDN.00769 .22		
40	Nguyễn Trần	**Trung**	27/07/1996	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0044064	DDS.CDN.00770 .22		

STT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (Tỉnh/Tp)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
41	Phạm Nhật	**Trường**	13/07/1991	Đắk Lắk	Nam	Kinh	đạt	0044065	DDS.CDN.00771 .22		
42	Trần Anh	**Tuấn**	17/12/1978	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0044066	DDS.CDN.00772 .22		
43	Đàm Minh	**Tùng**	20/06/1987	Đà Nẵng	Nam	Kinh	đạt	0044067	DDS.CDN.00773 .22		
44	Trần Thị Ánh	**Tuyết**	16/08/1986	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	đạt	0044068	DDS.CDN.00774 .22		
45	Đỗ Anh	**Vũ**	02/01/1995	Quảng Trị	Nam	Kinh	đạt	0044069	DDS.CDN.00775 .22		
46	Văn Công	**Vũ**	24/03/1996	Quảng Nam	Nam	Kinh	đạt	0044070	DDS.CDN.00776 .22		
47	Trương Quỳnh Kim	**Y**	25/12/1989	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	đạt	0044071	DDS.CDN.00777 .22		

Danh sách này có 47 học viên được cấp chứng chỉ

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS. TS. Lưu Trang